TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - H1 phúc**

Bản án số: 22/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 15-5-2024
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Tú.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Bỉnh Quyền
Bà Lường Thị Huyền

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Binh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa*:**
Ông Nguyễn Xuân Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Anh Bùi Văn T, sinh năm 1982. Xin xét xử vắng mặt
Địa chỉ: Phố Ngh, phường C, TP Cam Ranh, tỉnh Khánh Hóa.

2. *Bị đơn*: Chị Trần Thị H1, sinh năm 1984. Xin xét xử vắng mặt.
Địa chỉ: Thôn Đ, xã X, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/01/2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn anh Bùi Văn T thể hiện như sau:

Anh Bùi Văn T và chị Trần Thị H1 tự nguyện kết hôn, làm thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Hoằng Khánh (nay là xã X), huyện H, tỉnh Thanh Hóa cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 15/11/2007. Sau khi kết hôn, anh chị sống hòa thuận được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Anh chị sống ly thân từ tháng 12/2019 đến nay, không ai quan

tâm đến ai. Nay anh Tiến xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H1.

Về con: Anh Bùi Văn T và chị Trần Thị H1 có 02 con chung là cháu Bùi Trần Gia B, sinh ngày 03/6/2008 và cháu Bùi Trần Gia Ph, sinh ngày 05/6/2013. Anh Tiến đề nghị được trực tiếp nuôi cả hai con.

Về tài sản và công nợ: Anh Bùi Văn T không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 29/01/2023 của bị đơn là chị Trần Thị H1 thể hiện:

Anh Bùi Văn T và chị Trần Thị H1 tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Hoằng Khánh (nay là xã X), huyện H, tỉnh Thanh Hóa cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 15/11/2007. Sau một thời gian sống H1 phúc và hòa thuận thì anh chị bắt đầu có mâu thuẫn và bất đồng quan điểm sống. Anh chị sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Anh Tiến đề nghị được ly hôn với chị H1 thì chị cũng đồng ý.

Về con: Anh Bùi Văn T và chị Trần Thị H1 có 02 con chung là cháu Bùi Trần Gia B, sinh ngày 03/6/2008 và cháu Bùi Trần Gia Ph, sinh ngày 05/6/2013. Nguyện vọng của chị H1 là để cho anh Tiến được trực tiếp nuôi cả hai cháu đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản và công nợ: Chị Trần Thị H1 không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 25/4/2024 của cháu Bùi Trần Gia B và Bùi Trần Gia Ph đều thể hiện: Bố mẹ cháu ly hôn, cháu xin được ở với bố Tiến.

Tại biên bản xác minh ngày 22/4/2024 tại UBND xã X, huyện H, tỉnh Thanh Hóa, Lãnh đạo địa phương xác nhận: Anh Bùi Văn T và chị Trần Thị H1 có đăng ký kết hôn tại tại UBND xã Hoằng Khánh, nay là xã X, huyện H, tỉnh Thanh Hóa ngày 15/11/2007. Sau khi kết hôn, anh Tiến công tác trong quân đội, còn chị H1 sinh sống và có hộ khẩu thường trú tại xã X, huyện H. Anh chị có 02 con chung là cháu Bùi Trần Gia B, sinh ngày 03/6/2008 và cháu Bùi Trần Gia Ph, sinh ngày 05/6/2013. Anh chị không có mâu thuẫn gì, đến năm 2019 thì anh chị xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân, cụ thể mâu thuẫn như thế nào, địa phương không rõ. Nay anh Tiến đề nghị ly hôn chị H1 và yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung, hiện tại chị H1 đang bị bắt tạm giam về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên quan điểm của địa phương là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H trình bày nhận xét về trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ, đảm B trình tự, thủ tục từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; các đương sự đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 51, 56, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 228 của BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Văn T, xử cho anh Bùi Văn T được ly hôn chị Trần Thị H1. Về con: đề nghị công nhận anh chị có 02 con chung là cháu Bùi Trần Gia B, sinh ngày 03/6/2008 và cháu Bùi Trần Gia Ph, sinh ngày 05/6/2013, chấp nhận yêu cầu của anh Tiến, giao cho anh Tiến trực tiếp nuôi cả hai cháu. Về tài sản và công nợ: Anh Bùi Văn T và chị Trần Thị H1 không yêu cầu nên đề nghị không xem xét. Về án phí: Đề nghị buộc anh Bùi Văn T chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn anh Bùi Văn T không có sự thay đổi, bổ sung, rút một phần hoặc toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Tòa án đã thu thập tài liệu chứng cứ bằng biện pháp xác minh về tình trạng hôn nhân và nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp giữa anh Bùi Văn T và chị Trần Thị H1 theo quy định tại khoản 3 Điều 208 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Bùi Văn T có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải và chỉ mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là anh Bùi Văn T và bị đơn và chị Trần Thị H1 đều đã xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Anh Bùi Văn T và chị Trần Thị H1 tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Hoằng Khánh (nay là xã X), huyện H, tỉnh Thanh Hóa cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 15/11/2007 theo đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân & gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn nổi và đã sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Nay anh Bùi Văn T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly

hôn chị Trần Thị H1. Anh chị đều thống nhất ly hôn nhưng do anh không đề nghị hòa giải, tại phiên tòa vắng mặt anh chị nên không công nhận sự thuận tình ly hôn của anh chị. Như vậy tình trạng hôn nhân của anh chị đã thực sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Bùi Văn T là phù hợp với tình trạng hôn nhân hiện nay của anh chị.

[3] Về con: Do anh Bùi Văn T và chị Trần Thị H1 cùng thống nhất có 02 con chung là cháu Bùi Trần Gia B, sinh ngày 03/6/2008 và cháu Bùi Trần Gia Ph, sinh ngày 05/6/2013 nên công nhận hai cháu Bùi Trần Gia B và Bùi Trần Gia Ph là con chung của anh Tiến và chị H1. Anh Tiến có nguyện vọng trực tiếp nuôi cả hai cháu, hai cháu cũng có nguyện vọng xin ở với bố, chị H1 cũng thống nhất. Vì vậy, giao cháu Bùi Trần Gia B và Bùi Trần Gia Ph cho anh Bùi Văn T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng: Anh Tiến không yêu cầu nên không giải quyết.

[4] Về tài sản và công nợ: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn là anh Bùi Văn T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271, Điều 273 và khoản 2 Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Về hôn nhân: Anh Bùi Văn T được ly hôn với chị Trần Thị H1.

Về con: Công nhận anh Bùi Văn T và chị Trần Thị H1 có 02 con chung là cháu Bùi Trần Gia B, sinh ngày 03/6/2008 và cháu Bùi Trần Gia Ph, sinh ngày 05/6/2013. Giao cháu Bùi Trần Gia B và Bùi Trần Gia Ph cho anh Bùi Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chị Trần Thị H1 không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị Trần Thị H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Nếu chị Trần Thị H1 lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của anh Bùi Văn T thì anh Tiến có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị H1.

Về án phí: Buộc anh Bùi Văn T chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H theo biên lai thu số 0003710 ngày 23/01/2024 (Anh Bùi Văn T đã thi hành xong).

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Anh Bùi Văn T và chị Trần Thị H1 được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Thanh Hóa;*
- *VKSND huyện H;*
- *Chi cục THADS huyện H;*
- *UBND xã H. Xuân, h. H;*
- *Các đương sự.*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Ngọc Tú

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lường Thị Huyền **Lê Bỉnh Quyền** **Lê Thị Ngọc Tú**